TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST
Ngày 31 - 01 - 2018
"*V/v Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tưởng Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Công Nghĩa
2. Bà Trần Thị Ngọc Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kiều Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2017/TLST-HNGĐ ngày 09/10/2017 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/12/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Mai Thị Thanh T, năm 1983

Trú tại: Tổ dân phố M, phường P, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1980

Trú tại: Tổ dân phố M, phường P, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn yêu cầu ly hôn ngày 03/10/2017, bản tự khai, nguyên đơn chị Mai Thị Thanh T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn N tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (nay là Uỷ ban nhân dân phường P, thị xã B, tỉnh Quảng Bình) vào ngày 22/4/2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng từ tháng 11/2013 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị T thường đi công tác về muộn nên anh N ghen tuông và đã có những lời nói, cũng như hành động thô bạo, nhục mạ chị, làm cho cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn, không thể chung sống với nhau được. Vì vậy, vợ chồng đã ly thân từ tháng 01/2014 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp

tục chung sống với nhau được nữa nên chị kiên quyết xin được ly hôn với anh N để sớm ổn định cuộc sống.

Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung: Nguyễn Mai Triệu P, sinh ngày 19/5/2006 và Nguyễn Ánh N, sinh ngày 03/02/2011. Nếu ly hôn nguyện vọng của chị xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng theo quy định của pháp luật.

Trong thời gian chung sống, chị và anh N có một số tài sản chung nhưng vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai anh Nguyễn Văn N trình bày: Anh và chị T có quá trình kết hôn hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (nay là Uỷ ban nhân dân phường P, thị xã B, tỉnh Quảng Bình) vào ngày 22/4/2005. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2014 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị T làm đơn xin ly hôn thì anh không có ý kiến gì, tuỳ chị T. Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung: Nguyễn Mai Triệu P, sinh ngày 19/5/2006 và Nguyễn Ánh N, sinh ngày 03/02/2011. Nếu ly hôn anh N không có ý kiến gì, vì anh N không muốn ly hôn. Trong thời gian chung sống, anh và chị T có một số tài sản chung nhưng vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ngày 15/12/2017, Toà án Quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập chị T, anh N đến phiên toà vào ngày 25/12/2017, nhưng anh N vắng mặt nên Toà án phải hoãn phiên toà. Ngày 23/01/2018, Toà án mở phiên toà lần hai, tiếp tục triệu tập các bên đương sự đến tham gia phiên toà nhưng vì thẩm phán đi công tác đột xuất không xét xử được nên tiếp tục hoãn phiên tòa. Ngày 31/01/2018 Tòa án triệu tập các bên đương sự có mặt để tham gia phiên tòa nhưng anh N vẫn vắng mặt không rõ lý do. Qua xác minh tại Uỷ ban nhân dân phường P, kết quả cho thấy: Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà, các giấy triệu tập đến phiên toà của Toà án đã được Uỷ ban tống đạt hợp lệ cho anh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm, bị đơn không chấp hành việc triệu tập của Toà án gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Đề nghị căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn N; căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn xử cho chị chị Mai Thị Thanh T được ly hôn anh

Nguyễn Văn N; giao hai con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, buộc anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Mai Thị Thanh T có đơn yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Văn N. Hiện tại chị T và anh N có hộ khẩu thường trú tại phường P, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thị xã B.

- Về sự vắng mặt của đương sự: anh Nguyễn Văn N được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn N.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: chị T và anh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã P, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (nay là Uỷ ban nhân dân phường P, thị xã B, tỉnh Quảng Bình) vào ngày 22/4/2005. Vì vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc, đến tháng 11/2013 thì phát sinh mâu thuẫn do anh N ghen tuông nên đã có những lời nói, hành đồng xúc phạm đến chị T. Vì vậy, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt và vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên có nguyện vọng xin được ly hôn, anh N cũng không có ý kiến gì về việc chị T xin ly hôn mà tuỳ theo nguyện vọng của chị T. Xét thấy, vợ chồng sống ly thân đã lâu, tình cảm thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Mai Thị Thanh T được ly hôn với anh Nguyễn Văn N là hoàn toàn phù hợp.

[3]. Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung: Nguyễn Mai Triệu P, sinh ngày 19/5/2006 và Nguyễn Ánh N, sinh ngày 03/02/2011. Hội đồng xét xử thấy rằng, hiện tại các con đang còn nhỏ và hiện đang ở với chị T, con Nguyễn Mai Triệu P có nguyện vọng xin được ở với mẹ để ổn định cuộc sống và học tập. Chị T cũng có nguyện vọng tha thiết xin được nuôi cả 02 con. Vì vậy, cần căn cứ vào khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình giao 02 con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp. Hiện tại anh N không có nghề nghiệp ổn định, thu nhập chính từ việc bán cà phê nên chỉ buộc anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 1.500.000 đồng, kể từ tháng 02/2018 cho đến khi các con lần lượt trưởng thành, có khả năng lao động hoặc có tài sản tự nuôi sống bản thân. Sau khi ly hôn,

người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4]. Về quan hệ tài sản: Chị T và anh N không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, anh N phải nộp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ để sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Toà án ngày 30/12/2016:

1. Xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn N

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Mai Thị Thanh T được ly hôn với anh Nguyễn Văn N

3. Về quan hệ con chung: Xử cho chị Mai Thị Thanh T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Mai Triệu P, sinh ngày 19/5/2006 và Nguyễn Ánh N, sinh ngày 03/02/2011. Buộc anh Nguyễn Văn N phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), kể từ tháng 02 năm 2018 cho đến khi con đủ tuổi thành niên, có khả năng lao động hoặc có tài sản để nuôi sống bản thân.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản và nợ chung: không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Xử buộc chị Mai Thị Thanh T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước nhưng được trừ số tiền 300.00 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002023, ngày 05/10/2017. Buộc anh Nguyễn Văn N phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ để sung vào công quỹ Nhà nước.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (đối với người có mặt) và trong hạn 15 ngày

kể từ ngày nhận được bản sao bản án của Toà án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án (đối với người vắng mặt).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Tưởng Thị Hà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã Ba Đồn;
- Chi cục THADS thị xã Ba Đồn;
- UBND phường P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.